

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 159/GPMT-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sinh hoạt.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Công thu gom nước thải Khu công nghiệp Bình Minh.

2.2. Vị trí xả nước thải: Tại điểm đầu nối vào cống thoát nước thải của Khu công nghiệp Bình Minh (hố ga Q124): Ấp Mỹ Hưng 2, xã Mỹ Hòa, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Tọa độ vị trí xả thải (VN:2000, kinh trục tuyến 105°30', múi chiều 3°): X= 1109863; Y = 0534939.

2.3. Lưu lượng xả nước thải tối đa: Lưu lượng xả thải tối đa là 1,6 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải: Nước thải sau xử lý đạt theo thỏa thuận với Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Bình Minh (đạt Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B) và cam kết đóng phí thoát nước và xử lý nước thải theo thỏa thuận với Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Bình Minh, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn (Theo hợp đồng thoát nước với Công ty Cổ phần TV – TM – DV Địa ốc Hoàng Quân Mê Kông) (QCVN 40:2011/BTNMT cột B)
1	pH	-	5,5 đến 9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50
3	COD	mg/l	150
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100
5	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
6	Sunfua	mg/l	0,5
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
8	Tổng nitơ	mg/l	40
9	Tổng phot pho (tính theo P)	mg/l	6
10	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- *Nước thải sinh hoạt:* Trong quá trình hoạt động của cơ sở có phát sinh nước thải sinh hoạt (vệ sinh, rửa tay, rửa mặt,...). Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại sau đó theo đường ống đầu nối vào hố ga Q124 thoát vào cống thoát của KCN Bình Minh dẫn về hệ thống thu gom xử lý tập trung của Khu công nghiệp Bình Minh.

- *Nước thải sản xuất:* Trong quá trình hoạt động của cơ sở không phát sinh nước thải sản xuất.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ cơ sở được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn (tại cơ sở có 02 bể tự hoại, trong đó Bể tự hoại tại khu nhà vệ sinh của hạng mục văn phòng có thể tích: $12,3 \text{ m}^3$; Bể tự hoại tại khu nhà vệ sinh của nhà bảo vệ có thể tích: $9,9 \text{ m}^3$).

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải vào điểm đầu nối.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo:

- Đóng phí thoát nước và xử lý nước thải theo thỏa thuận với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Bình Minh.

- Đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong KCN, không xả nước thải không đạt quy chuẩn môi trường theo thỏa thuận vào hệ thống thu gom tập trung của KCN Bình Minh.

- Việc xác định lượng nước thải để tính phí thoát nước thải được thực hiện theo thỏa thuận với Chủ đầu tư và kinh doanh hạ tầng KCN.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 159/GPMT-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

Hơi nguyên liệu hóa chất từ quá trình lưu trữ tại kho chứa, chủ yếu là hơi HCl, H₂SO₄, HNO₃,....

2. Dòng khí thải, vị trí xả bụi, khí thải:

2.1. *Vị trí xả khí thải:* Khu vực cửa mái thông gió.

2.2. *Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:* Do khí thải hơi nguyên liệu hóa chất trong kho chứa theo hệ thống thông gió tự nhiên thoát ra môi trường.

2.2.1. *Phương thức xả khí thải:* Phát tán tự nhiên theo hướng từ dưới lên trên, thoát ra môi trường không khí xung quanh.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:****1.1. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:**

a. *Hoạt động các phương tiện vận chuyển nhập, xuất nguyên liệu hóa chất*

- Để giảm thiểu ô nhiễm, định kỳ bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị theo quy định của nhà sản xuất, điều phối xe hợp lý để tránh tập trung quá nhiều xe hoạt động tại nhà kho cùng thời điểm.

- Các phương tiện vận chuyển được cơ quan có thẩm quyền của Bộ Giao thông vận tải kiểm định, cấp phép lưu hành và còn trong thời hạn sử dụng.

- Thường xuyên vệ sinh mặt bằng sân, đường, mặt bằng nhà kho tại khu vực Cơ sở.

- Sân, đường nội bộ được tráng nhựa và bê tông nhằm hạn chế bụi.

- Trồng cây xanh góp phần hạn chế bụi, tiếng ồn.

- Kiểm tra định kỳ các phương tiện vận chuyển nhằm đảm bảo xe hoạt động trong tình trạng tốt, hạn chế phát sinh bụi và khí thải; đảm bảo an toàn về môi trường trong quá trình vận chuyển.

- Phun nước khu vực đường nội bộ và 1 phần đường trước cơ sở để giảm bụi, hơi nóng do xe vận chuyển ra vào cơ sở vào mùa khô và khi cần thiết.

- Ngoài ra, cơ sở thực hiện theo Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31/3/2024 của Chính phủ Quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa.

b. *Hoạt động lưu trữ nguyên liệu hóa chất trong nhà kho*

Thực hiện theo tiêu chuẩn hóa chất nguy hiểm – Quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển, cụ thể:

- Đối với nguyên liệu hóa chất đóng bao được xếp trên giá đỡ pallet, cách tường ít nhất 0,5m.
- Lối đi chính trong nhà kho rộng tối thiểu 1,5m.
- Sắp xếp nguyên liệu hóa chất trên pallet chứa nguyên liệu hóa chất phải đảm bảo an toàn tải trọng thiết kế và tải trọng cho phép nền nhà kho.
- Không để các bao bì đã dùng, các vật liệu dễ cháy ở trong nhà kho.
- Thường xuyên kiểm tra các nguyên liệu hóa chất, thông gió, thoát ẩm, lớp nguyên liệu hóa chất cuối cùng không bị dẽ hỏng.
- Thiết bị, bao bì lưu chứa nguyên liệu hóa chất thực hiện theo quy định hiện hành.
- Hệ thống thông gió của nhà kho đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn về hệ thống thông gió.
- Hệ thống kiểm soát nồng độ các nguyên liệu hóa chất trong nhà kho thực hiện theo quy định.
- Các nguyên liệu hóa chất lưu chứa trong nhà kho được phân loại và ghi nhãn theo quy định.
- Vệ sinh nhà kho đảm bảo sạch, gọn, nguyên liệu hóa chất được bố trí hợp lý, khoa học tạo môi trường thông thoáng.
- Thường xuyên vệ sinh mặt bằng sân, đường, mặt bằng nhà kho tại khu vực Cơ sở.
- Trong quá trình hoạt động cơ sở, đảm bảo môi trường không khí đạt theo QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí và QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

c. Hoạt động bốc dỡ nguyên liệu hóa chất khi xuất, nhập hàng

- Trước khi tiến hành xếp dỡ, người phụ trách xếp dỡ sẽ kiểm tra bao bì, nhãn hiệu và trực tiếp điều khiển hướng dẫn biện pháp làm việc an toàn.
- Không xếp các loại nguyên liệu hóa chất có khả năng phản ứng với nhau, kỵ nhau hoặc các chữa cháy khác nhau trên cùng một xe. Các nguyên liệu hóa chất phải xếp khít với nhau; phải chèn lót tránh lấn đổ, xô dịch.
- Khi xếp dỡ nguyên liệu hóa chất được tuân theo các quy định hiện hành.
- Trên đường vận chuyển, nếu bốc dỡ bớt nguyên liệu hóa chất xuống, phần còn lại được chèn buộc cẩn thận đảm bảo không lấn, đổ xô dịch mới được tiếp tục vận chuyển.
- Trong quá trình xếp dỡ không kéo lê; quăng vứt, va chạm làm đổ vỡ. Không ôm vác nguyên liệu hóa chất nguy hiểm vào người. Các bao bì đặt đúng chiều ký hiệu quy định.
- Kiểm tra thiết bị nâng chuyển bảo đảm an toàn mới được tiến hành xếp dỡ các nguyên liệu hóa chất.
- Ngoài ra, Công ty bố trí cửa mái thông gió bên vách để thông thoáng nhà kho.

1.2. *Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:* Không.

1.3. *Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:* Không.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

2.2. *Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo:* Không.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN VÀ
CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 159/GPMT-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn: Hoạt động của cơ sở, tiếng ồn phát sinh chủ yếu từ các phương tiện giao thông ra vào khu vực cơ sở.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn: Tọa độ (Hệ tọa độ VN: 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°): X= 1109861, Y= 0534932.

3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT), cụ thể như sau:

STT	Thời gian áp dụng	Giá trị giới hạn, dBA QCVN 26:2010/BTNMT (khu vực thông thường)
1	Từ 6 giờ đến 21 giờ	70
2	Từ 21 giờ đến 6 giờ	55

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:**

- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng và lắp đặt bộ hãm thanh cho xe tải, xe nâng để giảm cường độ ồn khi thiết bị hoạt động.

- Quy định tốc độ phương tiện lưu thông trong khu vực Cơ sở.

- Quy định giờ hoạt động của các phương tiện vận tải có tải trọng lớn trong khu vực Cơ sở.

- Diện tích cây xanh được bố trí dọc theo xung quanh Cơ sở đảm bảo diện tích đạt tỷ lệ 20,03% (hạng mục cây xanh của cơ sở > 20%).

- Yêu cầu khách hàng hạn chế bấm còi xe khi đậu, làm việc tại Cơ sở.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường: Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 159/GPMT-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng tối đa (kg/năm)	Trạng thái tồn tại
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	3	Rắn
2	Các thiết bị thải, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử (Bóng đèn led) thải	16 01 13	5	Rắn
3	Hộp chứa mực in thải (máy in từ nhà văn phòng)	08 02 04	8	Rắn
4	Bao bì kim loại cứng thải (thùng phuy chứa nguyên liệu hóa chất) (nếu có khi xảy ra sự cố)	18 01 02	600	Rắn
5	Bao bì nhựa cứng thải (thùng nhựa chứa nguyên liệu hóa chất) (nếu có khi xảy ra sự cố)	18 01 03	600	Rắn
6	Gỗ thải có các thành phần nguy hại (pallet gỗ dính nguyên liệu hóa chất)	16 01 14	33	Rắn
7	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau dính dầu mỡ và bao tay thải)	18 02 01	33	Rắn
8	Mùn cưa có thành phần nguy hại (Mùn cưa thu gom nguyên liệu hóa chất lỏng rơi vãi có dính hoặc nhiễm các nguyên liệu hóa chất có thành phần nguy hại) (nếu có khi xảy ra sự cố)	09 01 01	150	Rắn
9	Các loại chất thải xây dựng khác có thành phần nguy hại (Cát thu gom nguyên liệu hóa chất lỏng rơi vãi có dính hoặc nhiễm các nguyên liệu hóa chất có thành phần nguy hại) (nếu có khi xảy ra sự cố)	11 08 03	150	Rắn
10	Hóa chất vô cơ thải bao gồm hoặc có thành phần nguy hại (nguyên liệu hóa chất quá hạn)	19 05 03	1.600	Lỏng

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng tối đa (kg/năm)	Trạng thái tồn tại
11	Hóa chất hữu cơ thải bao gồm hoặc có thành phần nguy hại (nguyên liệu hóa chất quá hạn)	19 05 04	200	Rắn
Tổng số lượng			3.382	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sản xuất thông thường phát sinh thường xuyên:

Chất thải rắn công nghiệp thông thường: giấy vụn, dây đai hư hỏng,... phát sinh tối đa khoảng 547,5 kg/năm ($\approx$ khoảng 1,5 kg/ngày).

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh thường xuyên: Chất thải rắn sinh hoạt: hộp cơm, ly nhựa, bao ni lông,... phát sinh tối đa khoảng 468 kg/năm ($\approx$ khoảng 18 kg/ngày, 26 ngày làm việc).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: 12 thùng chứa loại từ 20L đến 1.000L, bằng nhựa cứng, có nắp đậy, dán nhãn, mã chất thải nguy hại và ký hiệu cảnh báo theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Kho chứa chất thải nguy hại:

+ Diện tích kho: 12,12 m².

+ Thiết kế, cấu tạo của kho: Lưu trữ tập kết tại kho chứa chất thải nguy hại có kết cấu nền bê tông cốt thép, có mái che, tường xây gạch.

Hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: 2 thùng chứa loại 240 L/thùng, bằng nhựa có nắp đậy.

- Kho chứa chất thải rắn thông thường:

+ Diện tích kho: 11,615 m².

+ Thiết kế, cấu tạo của kho: Lưu trữ trong kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường kết cấu: Nền bê tông cốt thép, tường xây gạch, có mái che.

Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: 01 thùng chứa loại 120L bằng nhựa có nắp đậy.

- Khu vực lưu chứa: Được phân loại tại nguồn, lưu trữ trong thùng rác, bố trí cạnh bãi xe 2 bánh.

Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển xử lý theo quy định.

2.4. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- *Chất thải rắn thông thường*: Theo dõi, giám sát việc thu gom chất thải rắn công nghiệp thông thường vào nơi chứa; lưu giữ hợp đồng hoặc chứng từ hoặc giấy tờ có liên quan đến việc chuyển giao chất thải rắn công nghiệp thông thường cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

- *Chất thải nguy hại*: Chất thải nguy hại được phân định, phân loại trước khi đưa vào khu vực lưu trữ chất thải nguy hại; Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại; Lưu giữ hợp đồng, liên chứng từ CTNH và quản lý CTNH theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Về Phòng ngừa ứng phó sự cố về hóa chất

- **Bể sự cố hóa chất** (*Bố trí kèm sơ đồ mặt bằng tổng thể sau báo cáo*): hiện tại Cơ sở chưa có sự cố hóa chất. Chủ cơ sở bố trí 01 bể sự cố hóa chất có nắp đậy kín (thể tích $13,125 \text{ m}^3$ (dài x rộng x cao = $3,5 \times 1,5 \times 2,5$)m) để thu gom nguyên liệu hóa chất khi có sự cố. Bên trong nhà kho có bố trí rãnh thu nước (dài 207m; rộng 0,2m), sau đó dẫn qua ống PVC Ø90 mm rồi chảy vào các hố ga 300x300 mm (qua 13 hố ga) và theo đường ống PVC Ø168 mm dẫn về bể sự cố hóa chất, với tổng chiều dài khoảng 216 m. Khoảng cách từ bể sự cố hóa chất đến nhà kho khoảng 9 m.

- Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom đem đi xử lý theo quy định khi sự cố xảy ra.

- Chủ cơ sở cam kết xây dựng kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất trình cấp thẩm quyền xem xét.

2. Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

Cơ sở đã có giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 146/TD-PCCC ngày 14/7/2020 của Phòng CS PCCC&CNCH thuộc Công an tỉnh Vĩnh Long.

Biên bản nghiệm thu PCCC số 108/NT-PCCC ngày 01/12/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH.

Các biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó với sự cố cháy, nổ thực hiện như sau:

- Lắp đặt các trang thiết bị báo cháy và hệ thống chữa cháy bên trong (như chuông, tiêu lệnh Phòng cháy chữa cháy (PCCC), bình CO_2 chữa cháy,...) đúng yêu cầu của Phòng cảnh sát PCCC và các quy định PCCC của tỉnh Vĩnh Long. Lập đội PCCC và đưa nhân viên tham dự các buổi tập huấn về PCCC do Phòng cảnh sát PCCC tổ chức.

- Tại nhà kho đã bố trí nội quy về PCCC và đã lắp đặt hệ thống PCCC, hệ thống chống sét và bể chứa nước dùng cho PCCC.

- Trang bị hệ thống chống sét trên mái nhà kho theo quy định.

- Lập kế hoạch tập huấn thường xuyên và kế hoạch diễn tập hàng năm.